

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25/4/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Thanh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Văn Việt Tuấn

- Bà Lê Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Mai Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Phan D, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn T1, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2022, chị Mai Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phan D kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 30/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Trong quá trình sống chung, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay và không thể quay lại tiếp tục cuộc hôn nhân giữa chị và anh D được nữa. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Thanh H, sinh ngày 23/10/2006 và Phan Thị Thanh L, sinh ngày 29/7/2009, hiện các cháu đang ở với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phan D đã được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ tất cả các văn bản tố tụng của vụ án nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 175, 177, 178, 195, 196, 203, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: xác định đúng thẩm quyền thụ lý, quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ; Thư ký thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo các phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Mai Thị T được ly hôn với anh Phan D.

Về nuôi con chung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Phan Thanh H và Phan Thị Thanh L cho chị Mai Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phan D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: chị Mai Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn T1, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia tố tụng tại các phiên công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: qua xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: chị T và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 30/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Trong quá trình sống chung, hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau. Tại biên bản xác minh ngày 22/12/2022, Hội Liên hiệp phụ nữ xã H cung cấp thông tin: trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh D đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị T và anh D không còn chung sống với nhau hơn 01 năm nay. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và anh D cũng không đến Tòa án làm việc, điều đó thể hiện anh D không có mong muốn đoàn tụ gia đình.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị T và anh D không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị T.

[4]. Về nuôi con chung: cháu Phan Thanh H và cháu Phan Thị Thanh L hiện đang sinh sống cùng chị T, cả 02 cháu đều có nguyện vọng được ở với chị T. Chị T có việc làm ổn định, có mức thu nhập hàng tháng từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng và có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cả 02 cháu cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc nguyên đơn chị Mai Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Mai Thị T được ly hôn anh Phan D.

2. Về nuôi con chung: giao cháu Phan Thanh H, sinh ngày 23/10/2006 và cháu Phan Thị Thanh L, sinh ngày 29/7/2009 cho chị Mai Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phan D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Mai Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số CC/2021/0000263 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- THADS huyện Hải Lăng;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Khánh